CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Kiên Hùng

Ngày 31/12/2025	18,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.7%	-	-

DT thuần
Q4/25
185
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.0| 9.3%
YoY: ▲ 29.0| 18.5%

LN thuần
Q4/25
9.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.86| 9.9%
YoY: ▲ 0.32| 3.5%

LN sau thuế
Q4/25
8.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.89| 12.0%
YoY: ▲ 3.59| 76.7%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
7.8%
YoY: +/-▲ 3.2%

ROE
2025
22.1%
YoY: +/-▲ 10.2%

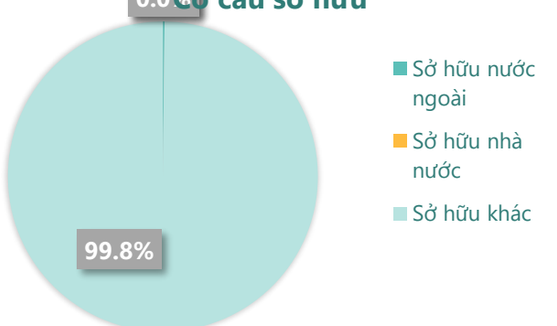
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,903 - 29,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	252
Số lượng CPLH (CP)	13,904,571
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,385
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.60
EPS	3,717
P/E	4.9

DT thuần
2025
724
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 66.0| 10.1%

LN thuần
2025
57.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.0| 66.2%

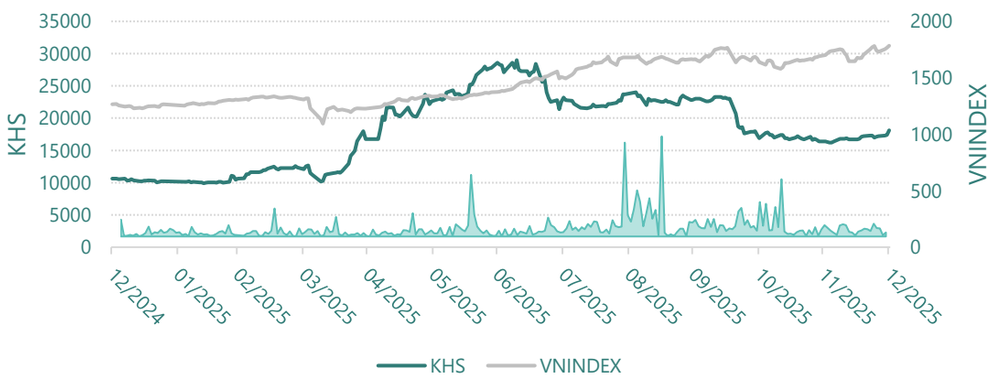
LN sau thuế
2025
48.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.9| 181%

Cơ cấu sở hữu

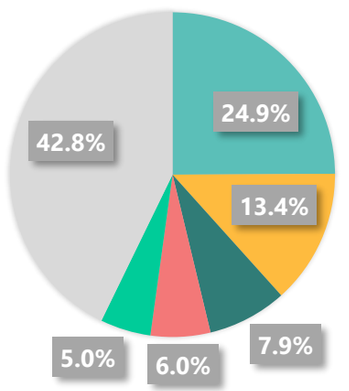


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



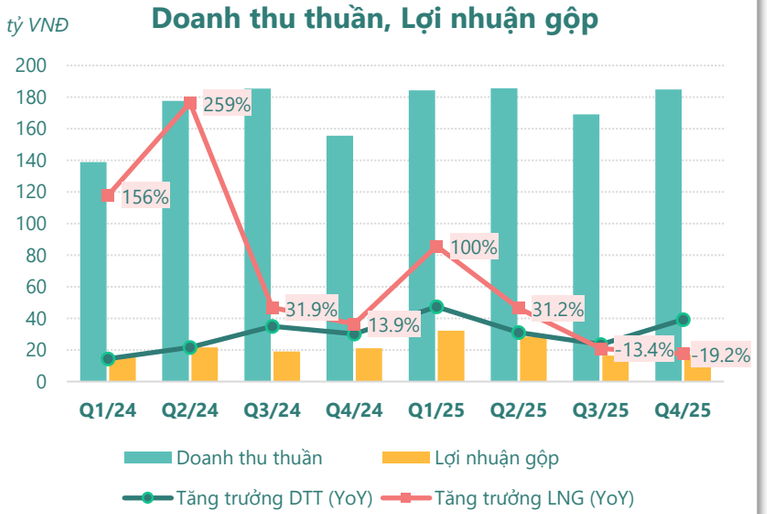
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

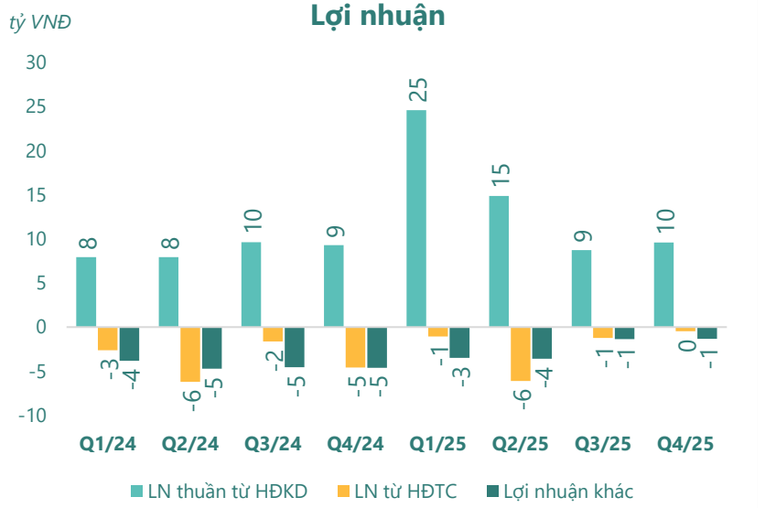
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



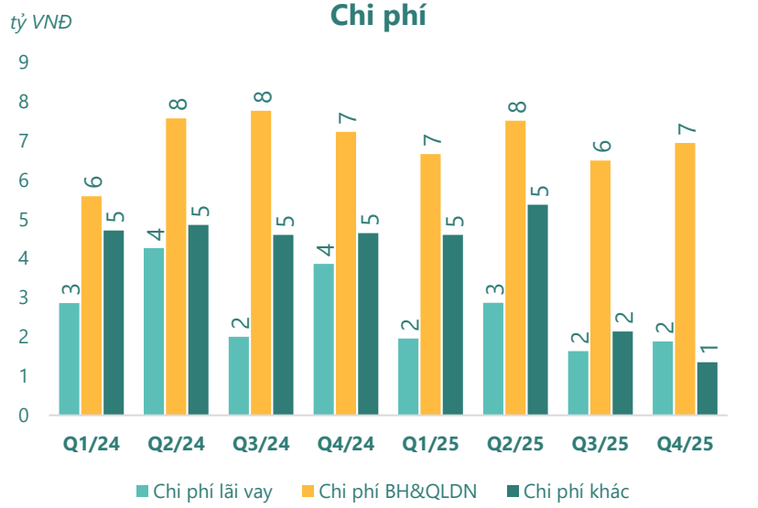
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



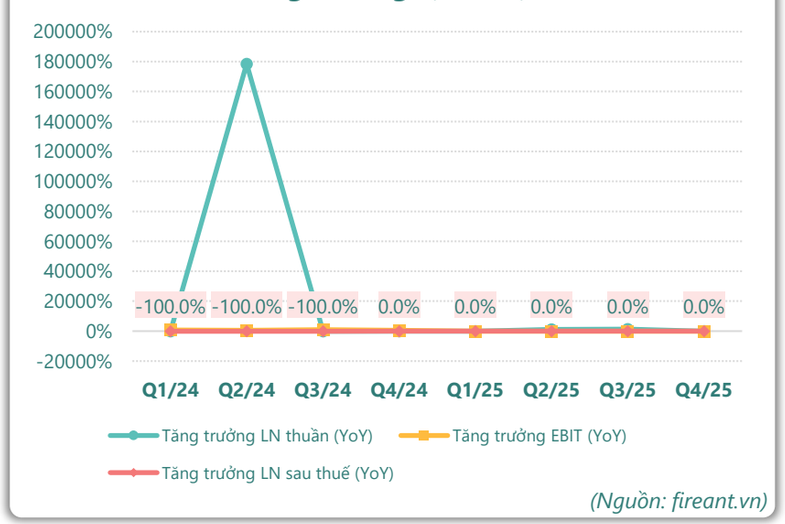
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



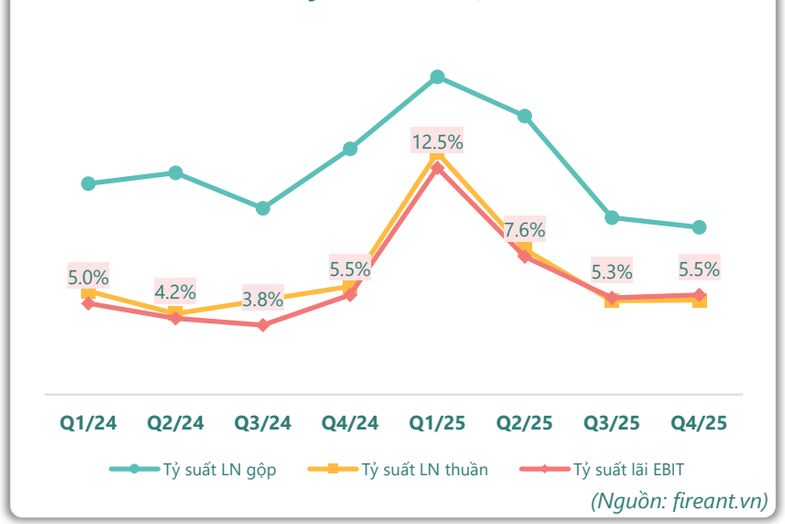
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



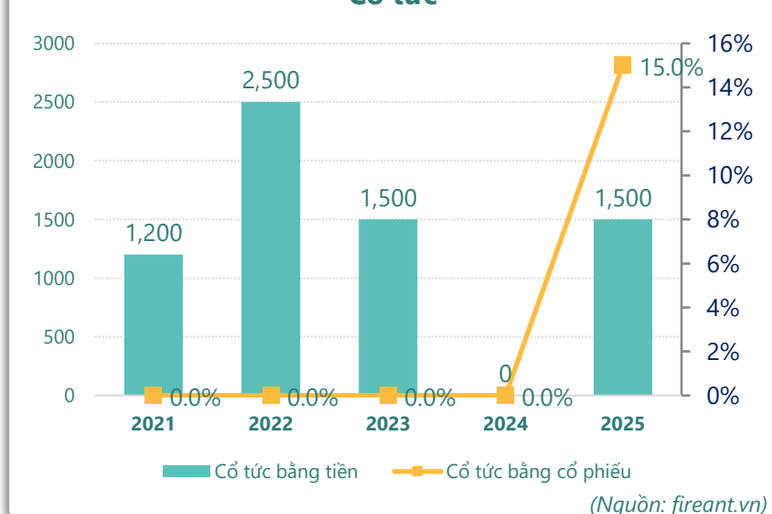
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

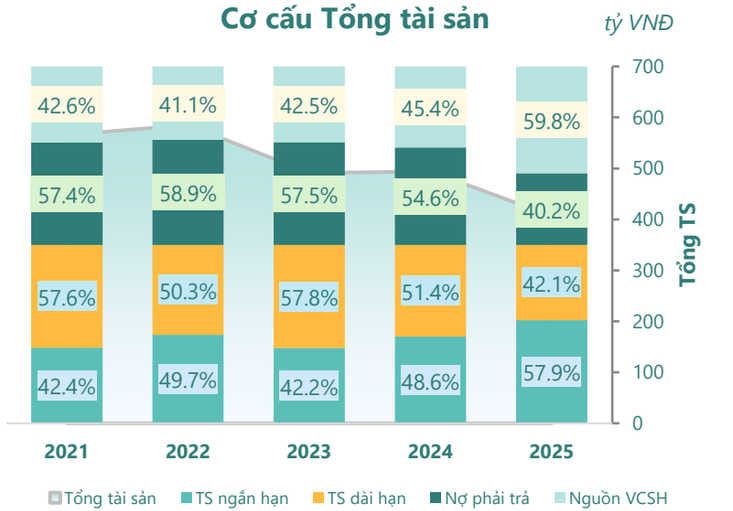
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

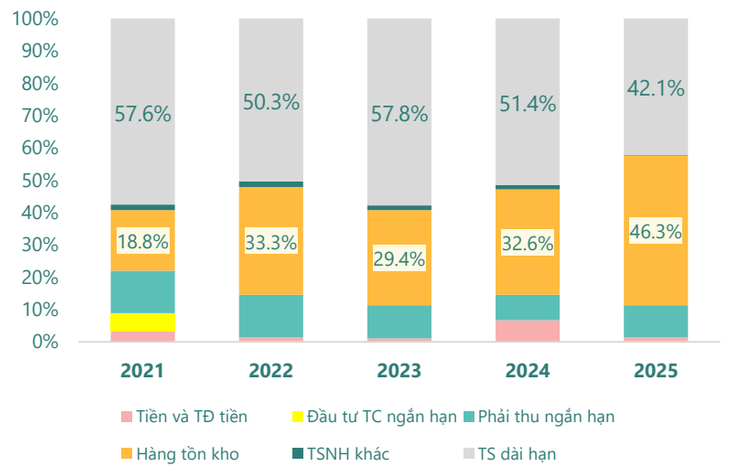
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



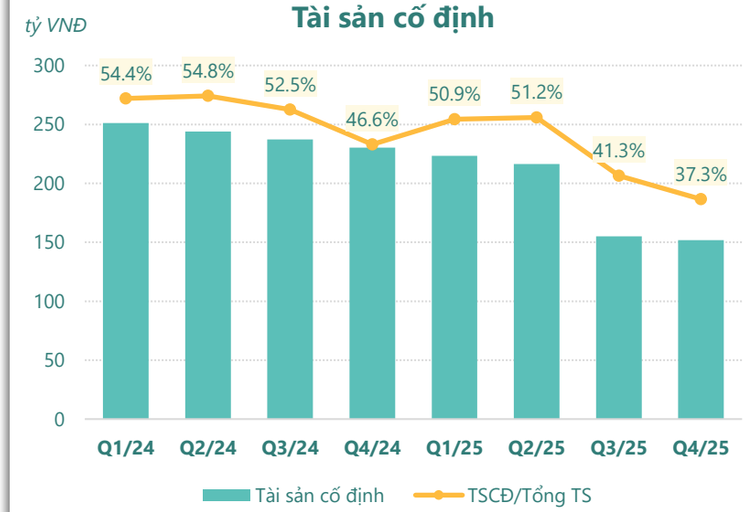
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



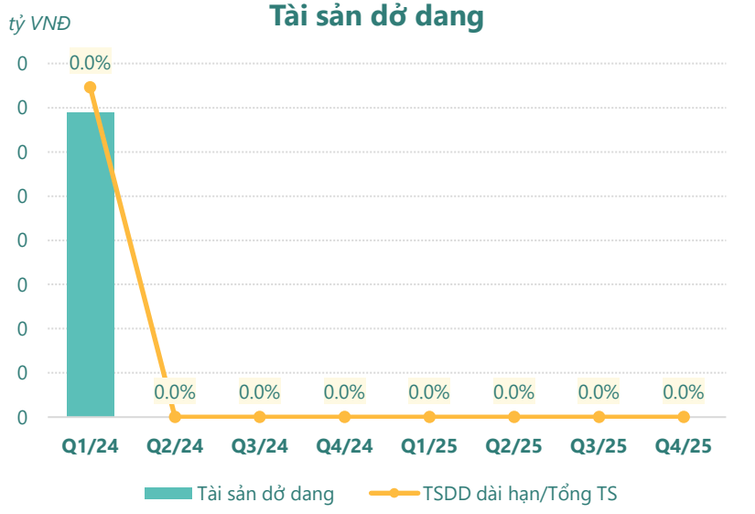
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



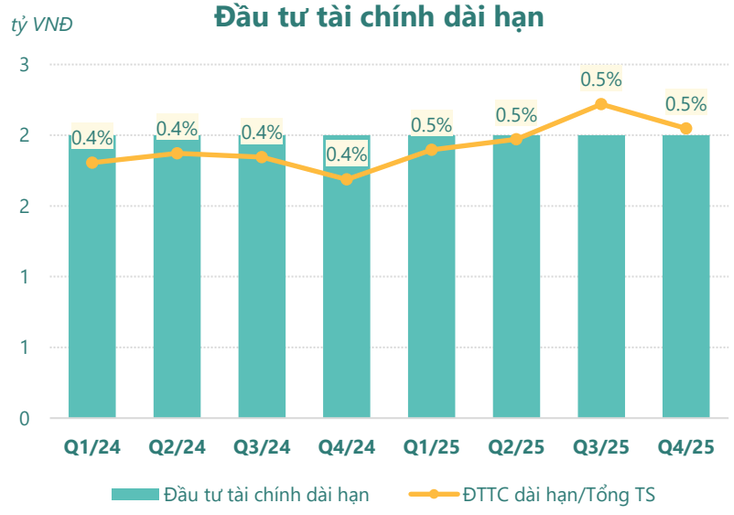
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



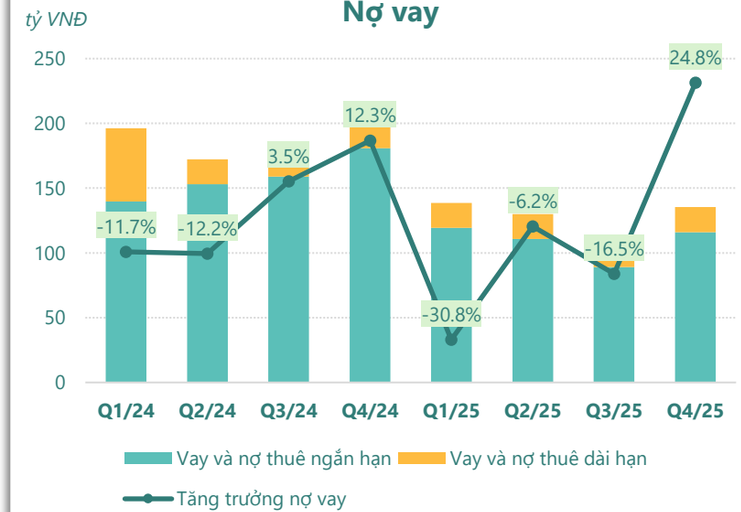
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

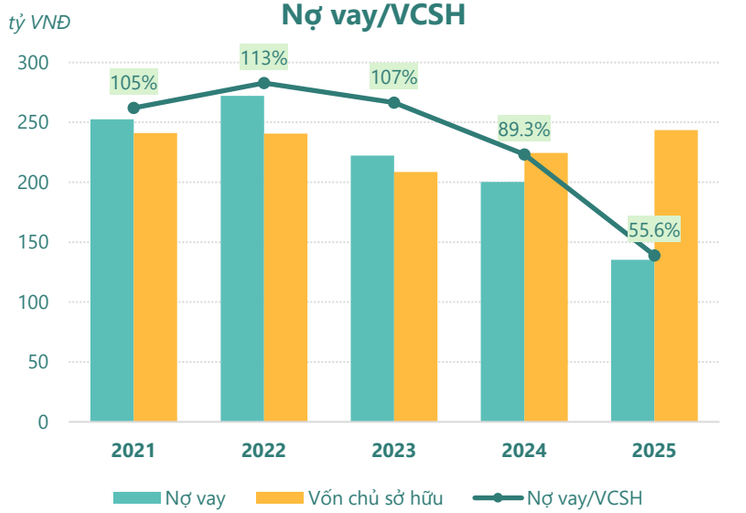
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



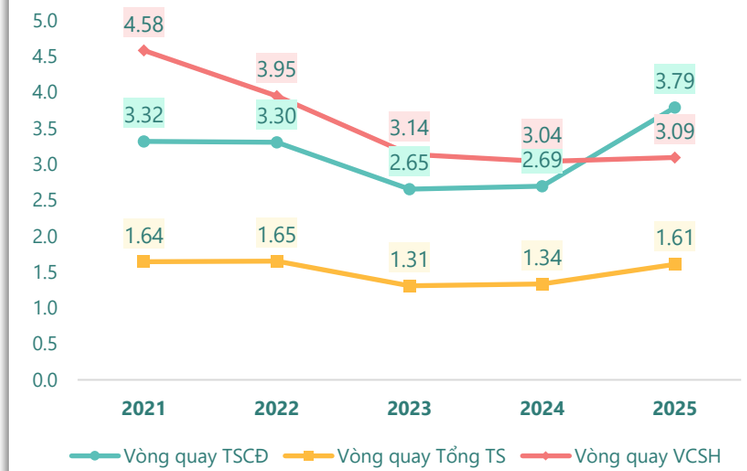
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



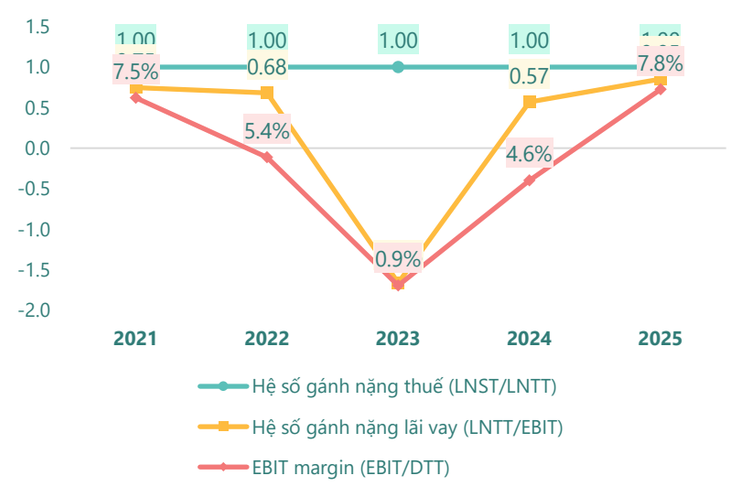
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



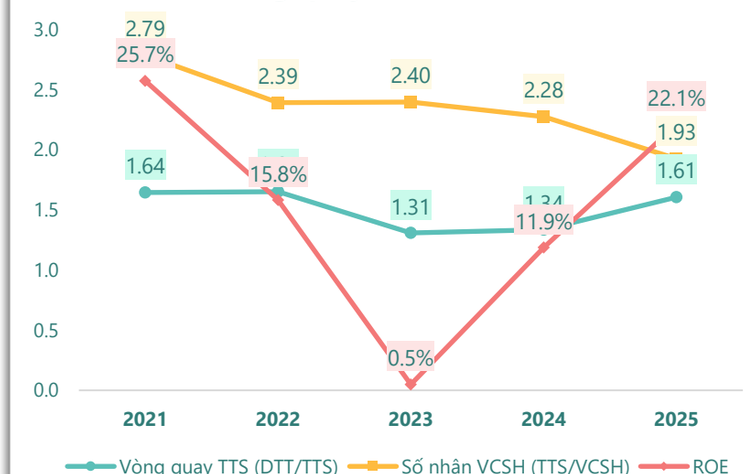
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



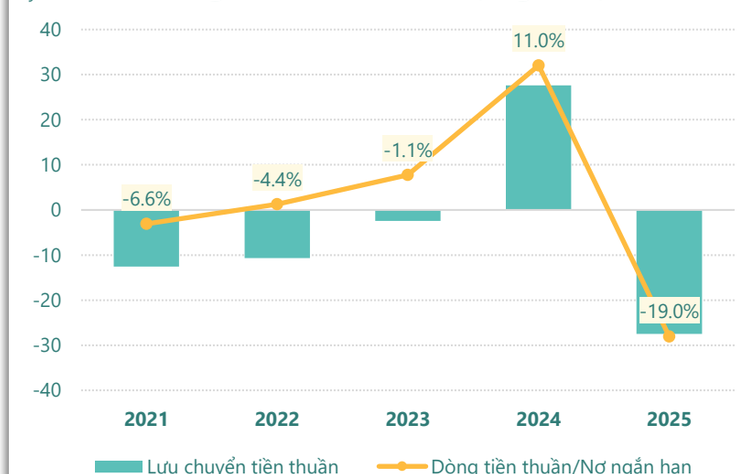
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**185**	**156**	**18.5%**	**724**	**658**	**10.1%**
Giá vốn hàng bán	168	135	24.3%	630	580	8.6%
Lợi nhuận gộp	17.0	21.1	-19.3%	94.3	78.0	20.9%
Doanh thu HĐTC	1.44	0.92	56.0%	2.83	2.33	21.5%
Chi phí TC	1.92	5.50	-65.2%	11.7	17.4	-32.6%
Chi phí lãi vay	1.88	3.87	-51.3%	8.35	13.0	-35.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.64	2.76	-4.5%	10.7	12.2	-12.2%
Chi phí QLDN	**4.31**	**4.47**	**-3.5%**	**16.9**	**15.9**	**6.0%**
LN thuần từ HĐKD	9.60	9.28	3.5%	57.8	34.8	66.2%
Lợi nhuận khác	**-1.34**	**-4.60**	**71.0%**	**-9.80**	**-17.7**	**44.5%**
LN trước thuế	8.27	4.68	76.7%	48.0	17.1	181%
Lợi nhuận sau thuế	**8.27**	**4.68**	**76.7%**	**48.0**	**17.1**	**181%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.27**	**6.86**	**20.5%**	**51.7**	**25.7**	**101%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.83	-9.45	53.0	14.4	-53.4	-39.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.18	0.17	-0.03	0.13	49.4	-0.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6.00	21.2	-61.6	-28.0	11.5	27.4
Tiền đầu kỳ	6.05	21.1	33.0	24.4	11.0	18.5
Lưu chuyển tiền thuần	**15.0**	**11.9**	**-8.64**	**-13.4**	**7.48**	**-12.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.1	33.0	24.4	11.0	18.5	5.54

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**407**	**494**	**-17.6%**
Tài sản ngắn hạn	236	240	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	5.54	33.0	-83.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	40.7	38.8	4.9%
Hàng tồn kho	189	161	17.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.72	7.09	-89.8%
Tài sản dài hạn	**171**	**254**	**-32.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	152	230	-34.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**17.6**	**21.9**	**-19.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	164	270	-39.3%
Nợ ngắn hạn	**144**	**250**	**-42.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	116	181	-35.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.64	37.2	-84.8%
Nợ dài hạn	19.3	19.3	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.3	19.3	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**243**	**224**	**8.5%**
Vốn chủ sở hữu	**243**	**224**	**8.5%**
Vốn điều lệ	139	121	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)